

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị T và
anh Th.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thắng
2. Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28-3-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 485/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17-3-2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Ánh T, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3 đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 70 đường C, xã A, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Xuân Th, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số 11/107 đường Đ, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T và anh Thắng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-12-2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Ánh T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Xuân Th tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định ngày 15-5-2013. Quá trình chung sống vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Th không quan tâm đến vợ con. Từ tháng 5-2021 đến nay, vợ chồng chị sống ly thân, mỗi người một nơi. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Phạm Xuân Th.

2. Về con chung: Vợ chồng chị có 01 (một) con chung là Phạm Quang Đ, sinh ngày 15-12-2013. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Đỗ Thị Ánh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị ngày 23-02-2022, bị đơn là anh Phạm Xuân Th trình bày: Anh nhất trí ly hôn chị Đỗ Thị Ánh T. Anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Quang Đ, sinh ngày 15-12-2013, anh không phải cấp dưỡng nuôi con theo đề nghị của chị T. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản và công nợ chung. Do bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Tại Biên bản xác minh ngày 23-02-2022, chính quyền địa phương nơi chị T và anh Th cư trú đã cung cấp: Trong quá trình chung sống, chị T và anh Th có xảy ra mâu thuẫn nhưng chính quyền địa phương không nắm được nguyên nhân cụ thể. Chị T và anh Th có một con chung là Phạm Quang Đ, sinh ngày 15-12-2013. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh Th, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị ngày 17-02-2022, cháu Phạm Quang Đ trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị Ánh T và anh Phạm Xuân Th.

Về con chung: Giao chị Đỗ Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quang Đ, sinh ngày 15-12-2013. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Phạm Xuân Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Ánh T và anh Phạm Xuân Th đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Th là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ánh T và anh Phạm Xuân Th tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định ngày 15-5-2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng có nảy sinh những bất đồng về tính cách và lối sống, mâu thuẫn trầm trọng đã dẫn đến vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh Th cũng đồng ý ly hôn với chị T. Qua đó cho thấy, tình cảm vợ chồng của chị T và anh Th không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị Ánh T và anh Phạm Xuân Th theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị Ánh T và anh Phạm Xuân Th có một con chung là Phạm Quang Đ, sinh ngày 15-12-2013. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Anh Th nhất trí với đề nghị này của chị T. Cháu Phạm Quang Đ cũng có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Để tôn trọng nguyện vọng của các bên đương sự và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Quang Đ cho chị Đỗ Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị T.

[4] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Đỗ Thị Ánh T và anh Phạm Xuân Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Ánh T là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị Ánh T và anh Phạm Xuân Th.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Ánh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Quang Đ, sinh ngày 15-12-2013. Anh Phạm Xuân Th không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị Đỗ Thị Ánh T.

Chị Đỗ Thị Ánh T và anh Phạm Xuân Th vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Ánh T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0005110 ngày 29-12-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Ánh T và anh Phạm Xuân Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND phường T, TP. N (số 25/2013);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng